

Số: 15/BC-THCSVH

Cát Thành, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Thu, chi, quản lý, sử dụng Ngân sách năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý

Hướng dẫn số 927 / HD- SGDĐT ngày 25/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình hướng dẫn về việc thực hiện quản lý thu, chi và các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2025-2026

Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở GD-ĐT tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQHĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình

I. Quy mô trường, lớp

- Tổng số nhóm lớp: 18

- Tổng số học sinh: 751.

Trong đó: + Lớp 6: 186

+ Lớp 7: 189

+ Lớp 8: 215

+ Lớp 9: 161

II. Cơ sở vật chất nhà trường

- Tổng diện tích khuôn viên trường học: 10.290,9m²

- Tổng số phòng học, phòng làm việc: 34 phòng

Trong đó: + Phòng học: 18 phòng

+ Phòng bộ môn: 12 phòng

+ Phòng chức năng: 14 phòng

III. Thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Nhà trường luôn đón nhận sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan quản lý giáo dục; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Cát Thành luôn quan tâm chăm lo đến sự nghiệp giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục mầm non.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có lòng nhiệt tình, say mê với nghề nghiệp và có trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phụ huynh học sinh nhà trường phần lớn là phụ huynh trẻ, có nhận thức đúng đắn về giáo dục, ủng hộ các hoạt động của nhà trường.

- Kết quả giáo dục của nhà trường ngày càng được khẳng định, năm học 2024-2025 được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến. Những thành tích đạt được trong những năm qua đặc biệt năm học 2024-2025 của nhà trường là ổn định, bền vững, tin cậy, đã khẳng định những bước đi vững chắc của nhà trường, tạo niềm tin cho phụ huynh bước vào năm học 2025-2026.

2. Khó khăn

- Trang thiết bị dạy học bị hư hỏng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu. Trường đang trong quá trình xây dựng nên ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động giáo dục.

- Xã Cát Thành là xã có địa bàn rộng, thu nhập của người dân thấp, nguồn lực đầu tư tu sửa cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung các trang thiết bị cho nhà trường khó khăn

- Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cho việc tu sửa, mua sắm bổ sung trang thiết bị, đồ dùng phục vụ cho các hoạt động của nhà trường còn hạn chế

3. Công tác tổ chức triển khai thực hiện

Nghị quyết số 22/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em, học sinh học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông dân lập tư thục, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục từ năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở GD-ĐT tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQHĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình

VI. Kết quả thực hiện *Ngân sách nhà nước giao năm 2025*

STT	Nội dung chi	Số kinh phí đã
-----	--------------	----------------

		thực hiện
I	Tổng dự toán giao	10.134.352.000
II	Tổng chi dự toán	
1	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (nguồn 13)	8.906.902.000
1.1	Tiền lương	4.546.832.626
1.2	Tiền công trả cho vị trí lao động TX theo HĐ	158.666.351
1.3	Phụ cấp lương	2.464.868.070
1.4	Phúc lợi tập thể	12.840.000
1.5	Các khoản đóng góp	1.218.611.943
1.6	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	13.100.000
1.7	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	44.850.000
1.8	Mua sắm tài sản vô hình	0
1.9	Thanh toán dịch vụ công cộng	37.887.870
1.10	Vật tư văn phòng	130.301.000
1.11	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	28.465.940
1.12	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	23.048.800
1.13	Công tác phí	21.600.000
1.14	Chi phí thuê mướn	15.270.000
1.15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	152.528.000
1.16	Chi khác	33.031.400
1.17	Chi cho các sự kiện lớn	5.000.000
3	Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ (nguồn 12)	753.965.000
3.1	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	12.700.000
3.2	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	242.300.000
3.3	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	453.965.000
3.4	Chi các khoản khác	45.000.000
4	Quỹ tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP (nguồn 18)	473.485.000

Phần học phí thu chi năm 2025

STT	Nội dung chi	Số kinh phí đã thực hiện
I	Số dư đầu kỳ 01.01.2025	263.071.150
1	Kì II năm học 2024-2025	239.575.000
2	Thu từ cấp bù học phí HKII năm học 2024 - 2025	2.765.000
3	Hỗ trợ Học phí HKI năm học 2025 - 2026	451.200.000
4	Tổng thu	693.540.000
II	Phần Chi	
1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản	68.510.000

2	Chi mua, sửa chữa CCDC	60.900.000
2	Chi phụ cấp tiết dạy ngoài trời, phần mềm, tiền điện sáng, mua văn phòng phẩm, ...	133.818.618
	Chi khác	263.228.618
III	Dư cuối năm 2025 (A+I-II) (chuyển sang năm 2026):	583.900.532
1	- Nguồn cải cách tiền lương:	276.310.000
2	- Nguồn chi hoạt động:	307.590.532

Phân vận động thu chi năm 2025

STT	Nội dung chi/tên hàng hoá, vật tư	Thành tiền (đồng)
I	Phần Thu	163.300.000
II	Phần chi	
1	Thanh toán tiền cải tạo vườn trường, làm hố nhảy khu B	21.614.000
2	Thanh toán tiền mua thiết bị lắp ống nước	12.871.000
3	Thanh toán tiền thuê nhân công lắp đường nước	3.780.000
4	Thanh toán tiền mua thiết bị làm lán xe	14.320.000
5	Thanh toán tiền thuê nhân công sửa chữa lán xe	11.965.000
6	Mua bàn ghế học sinh	98.750.000
	Tổng cộng	163.300.000
III	Cân đối	0

III. Đánh giá chung

*Ưu điểm:

- Các cấp quản lý đã có văn bản hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các nguồn thu chi từ ngân sách và các khoản thu chi khác.

- Nhà trường đã bám sát các văn bản chỉ đạo và tiến hành lập kế hoạch, dự toán thu chi theo đúng quy định của nhà nước

- Việc tuyên truyền tới CBGV, NV và PHHS được thực hiện công khai, và nhận được sự đồng tình cao từ CBGV, NH, và PHHS.

- BGH, Bộ phận tài vụ nhà trường, có chuyên môn, nhiệt tình và trách nhiệm

2/ Khó khăn:

Nguồn Ngân sách Dự toán chi cho cách hoạt động liên quan đến thanh toán các nhân không thể chủ động mà liên quan nhiều đến chương trình của Sở cụ thể như kinh phí cho các hội thi, cuộc thi: KHKT, STEM....

V.Kiến nghị, đề xuất

Nhà trường đề nghị với Đảng uỷ, HĐND, UBND Cát Thành chỉ đạo, tạo điều kiện đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực để trường đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, nhất là huy động đầu tư kinh phí xây dựng nhà đa năng. Kinh phí hỗ trợ các cuộc thi, hội thi các cấp.

Nơi nhận:
- Công TTĐT;
- Lưu.

**TM. BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường